

Bản án số: 844/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 19/6/2024  
V/v “Ly hôn”.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Oanh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Huỳnh Văn Sơn.

2. Bà Lê Thị Khanh.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hồ Thị Như Oanh, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà **Phùng Thị Ngọc Duyên**, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1454/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 228/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thanh H**, sinh năm 1988.

Thường trú: 17/4 **Tổ A, ấp Đ, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh**.

(bà **H** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

**Bị đơn:** Ông **Nguyễn Thành N**, sinh năm 1988.

Thường trú: 52/5C **ấp V, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh**.

(ông **N** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà **Nguyễn Thanh H** trình bày:

Bà **H** và ông **Nguyễn Thành N** tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương và đăng ký kết hôn ngày 20 tháng 10 năm 2015 tại **Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh**.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống ở nhà chồng tại E ấp N, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình chung sống, hai bên thường xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung khiến không khí trong gia đình luôn ngột ngạt, mệt mỏi, không có hạnh phúc. Mâu thuẫn thường xuyên xảy ra và ngày càng trầm trọng. Tháng 02 năm 2017, vì lý do cá nhân nên ông N đã rời khỏi địa phương. Đến tháng 01 năm 2021 thì ông N bị bắt về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Hiện nay, ông N đang chấp hành án tại Trại giam T, tỉnh Long An. Bà và ông N đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay.

Nhận thấy cuộc sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng không thể hàn gắn, không thể đem lại hạnh phúc cho nhau, bản thân bà H không còn yêu thương, không còn muốn chung sống với ông N. Do đó, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Nguyễn Thành N để bà sớm ổn định lại cuộc sống.

- Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Hoàng Phúc L, sinh ngày 02/9/2016. Con chung hiện nay đang ở tại địa chỉ 1 tổ A, ấp Đ, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh và do bà trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, bà H yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi trẻ L trưởng thành tròn 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ dân sự chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, bà H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

\* Tại bản tự khai, bị đơn ông Nguyễn Thành N trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thanh H tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 20 tháng 10 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng nhau tại địa chỉ E ấp N, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong thời gian chung sống, có nhiều mâu thuẫn nảy sinh và ngày càng trầm trọng do cả hai bất đồng quan điểm, kể từ khi sinh con càng có nhiều áp lực hơn nên cuộc sống của vợ chồng ngày càng căng thẳng, không có hạnh phúc. Năm 2021, ông bị bắt về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Hiện nay, ông đang chấp hành án tại Trại giam T, tỉnh Long An. Ông và bà H đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay.

Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, không thể hàn gắn, vợ chồng không còn sống chung, không thể chăm sóc cho nhau nên ông đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thanh H.

- Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Hoàng Phúc L, sinh ngày 02/9/2016. Con chung hiện nay đang do bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông đồng ý giao cho bà H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi trẻ L trưởng thành tròn 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông tạm thời không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.
  - Về nghĩa vụ dân sự chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Tại phiên tòa hôm nay, ông **N** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà **Nguyễn Thanh H** khởi kiện ly hôn với ông **Nguyễn Thành N**. Đây là tranh chấp quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Ông **Nguyễn Thành N** là bị đơn có nơi cư trú tại **huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh** nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn bà **Nguyễn Thanh H** và bị đơn ông **Nguyễn Thành N** có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng trong vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Theo trình bày của các đương sự và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện bà **Nguyễn Thanh H** và ông **Nguyễn Thành N** tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, **Thành phố Hồ Chí Minh** cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 139, quyển số 01/2015 ngày 20 tháng 10 năm 2015 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo trình bày của nguyên đơn bà **Nguyễn Thanh H** và được bị đơn ông **Nguyễn Thành N** thừa nhận thì trong quá trình chung sống, giữa hai bên có nhiều mâu thuẫn xảy ra. Vợ chồng không còn yêu thương và quan tâm, chăm sóc cho nhau, sống chung không có hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân một thời gian dài. Tòa án đã tiến hành phiên hòa giải để bà **H** và ông **N** có thể hàn gắn gia đình, hòa giải những mâu thuẫn giữa hai bên, cùng nhau tiếp tục chung sống vợ chồng. Tuy nhiên, bà **H** trình bày là không còn yêu thương, không còn muốn tiếp tục chung sống cùng ông **N**, bà **H** giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông **N**. Ông **N** trình bày, hiện nay ông đang chấp hành án tại **Trại giam T, tỉnh Long An** nên xin vắng mặt tại các phiên hòa giải, ông đồng ý ly hôn và đồng ý với các

yêu cầu của bà H. Xét thấy hôn nhân giữa bà H và ông N lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thanh H là phù hợp.

[4] Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Phúc L, sinh ngày 02/9/2016. Con chung hiện nay đang ở cùng bà H và do bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Bà H yêu cầu sau khi ly hôn được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi trẻ L trưởng thành tròn 18 tuổi. Ông N đồng ý với yêu cầu của bà H. Tại bản tự khai ngày 25/3/2024, trẻ Nguyễn Hoàng Phúc L trình bày có nguyện vọng ở cùng mẹ. Do đó, để ổn định tâm sinh lý, đảm bảo sự phát triển mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử quyết định giao trẻ Nguyễn Hoàng Phúc L cho bà Nguyễn Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[5] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về nghĩa vụ dân sự chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí sơ thẩm: Án phí ly hôn do bà Nguyễn Thanh H chịu theo quy định của pháp luật là phù hợp.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thanh H và ông Nguyễn Thành N.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Hoàng Phúc L1, sinh ngày 02/9/2016 cho bà Nguyễn Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Thi hành ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi trẻ L1 trưởng thành tròn 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Thành N tạm thời không cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84, khoản 2 Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Nghĩa vụ dân sự chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) do bà **Nguyễn Thanh H** chịu, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008225 ngày 19/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

7. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND TP. HCM;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- Chi cục THADS huyện Hóc Môn;
- UBND xã T, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy chứng nhận kết hôn số 139, quyền số 01/2015 ngày 20/10/2015);
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**